

Số: /QĐ-UBND

Ninh Bình, ngày tháng 6 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Về việc Quy định chi tiết xã nông thôn mới kiểu mẫu giai đoạn 2021 - 2025 trên địa bàn tỉnh Ninh Bình

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH NINH BÌNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Quyết định số 263/QĐ-TTg ngày 22 tháng 2 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu Quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Quyết định số 319/QĐ-TTg ngày 08/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ về việc quy định xã nông thôn mới kiểu mẫu giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Quyết định số 211/QĐ-TTg ngày 01/3/2024 của Thủ tướng Chính phủ sửa đổi một số tiêu chí, chỉ tiêu của Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới, Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới nâng cao, Bộ tiêu chí quốc gia về huyện nông thôn mới và Bộ tiêu chí quốc gia về huyện nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2021 - 2025; bổ sung tiêu chí huyện nông thôn mới đặc thù, không có đơn vị hành chính cấp xã giai đoạn 2021- 2025;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Tờ trình số 110/TTr-SNN ngày 11 tháng 6 năm 2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Quy định chi tiết xã nông thôn mới kiểu mẫu giai đoạn 2021 - 2025 trên địa bàn tỉnh Ninh Bình là xã:

1. Đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2021-2025 (đáp ứng đầy đủ mức đạt chuẩn theo yêu cầu của Quyết định số 293/QĐ-UBND ngày 06/5/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc Quy định chi tiết một số tiêu chí thuộc Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Ninh Bình).

2. Thu nhập bình quân đầu người của xã tại thời điểm xét, công nhận xã nông thôn mới kiểu mẫu phải cao hơn từ 10% trở lên so với mức thu nhập bình quân đầu người áp dụng theo quy định đối với xã nông thôn mới nâng cao tại cùng thời điểm, cụ thể:

Nội dung	Chỉ tiêu				
	Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024	Năm 2025
Thu nhập bình quân đầu người (triệu đồng/năm)	≥ 66	$\geq 70,4$	$\geq 74,8$	$\geq 79,2$	$\geq 83,6$

3. Có ít nhất một mô hình thôn thông minh theo Quy định tiêu chí thôn thông minh giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Ninh Bình (có phụ lục quy định tiêu chí thôn thông minh giai đoạn 2021-2025 kèm theo).

4. Có tỷ lệ thôn, xóm, bản đạt chuẩn thôn (Khu dân cư) nông thôn mới kiểu mẫu theo quy định, cụ thể:

Nội dung	Chỉ tiêu				
	Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024	Năm 2025
Tỷ lệ thôn, xóm, bản đạt chuẩn thôn (Khu dân cư) nông thôn mới kiểu mẫu (%)	≥ 40	≥ 40	≥ 50	≥ 60	≥ 70

5. Đạt tiêu chí quy định xã nông thôn mới kiểu mẫu giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Ninh Bình theo ít nhất một trong các lĩnh vực nổi trội nhất (có phụ lục quy định một số tiêu chí xã nông thôn mới kiểu mẫu giai đoạn 2021-2025 kèm theo).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 897/QĐ-UBND ngày 10/10/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Bình về việc Quy định chi tiết xã nông thôn mới kiểu mẫu giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Ninh Bình.

Điều 3. Tổ chức thực hiện

1. Giao Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì, triển khai thực hiện, kiểm tra, giám sát, tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh, Ban Chỉ đạo thực hiện các Chương trình Mục tiêu quốc gia tỉnh theo quy định.

2. Các sở, ban ngành, đoàn thể căn cứ chức năng nhiệm vụ được giao và hướng dẫn của các bộ, ngành có liên quan chịu trách nhiệm hướng dẫn triển khai thực hiện, giám sát, kiểm tra, đánh giá kết quả báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh, Ban Chỉ đạo thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia tỉnh (*qua Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn*) theo quy định.

3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Chánh Văn phòng Điều phối xây dựng nông thôn mới tỉnh; Thủ trưởng các sở, ban, ngành, đoàn thể của tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ Nông nghiệp và PTNT;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Lãnh đạo UBND tỉnh;
- Văn phòng Điều phối NTM Trung ương;
- Lưu: VT, VP3.

LNT_VP3_QĐ18

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Trần Song Tùng

Phụ lục I
QUY ĐỊNH TIÊU CHÍ THÔN THÔNG MINH GIAI ĐOẠN 2021-2025
TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH NINH BÌNH

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày / /2024 của UBND tỉnh Ninh Bình)

STT	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu
1	Hạ tầng mạng Internet băng rộng cáp quang phủ trên số hộ gia đình	$\geq 80\%$
2	Phổ cập dịch vụ mạng di động 4G/5G	100%
3	Có Mạng wifi miễn phí tại nhà văn hóa thôn	Đạt
4	Tỷ lệ người dân trưởng thành sử dụng điện thoại thông minh	$\geq 90\%$
5	Tỷ lệ người dân trưởng thành có tài khoản thanh toán điện tử	$\geq 70\%$

Phụ lục II
QUY ĐỊNH MỘT SỐ TIÊU CHÍ XÃ NÔNG THÔN MỚI KIỂU MẪU
GIAI ĐOẠN 2021 - 2025 TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH NINH BÌNH

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày / /2024 của UBND tỉnh Ninh Bình)

I. Lĩnh vực “Sản xuất”

Đạt các tiêu chí của ít nhất một trong hai nội dung sau:

1. Về Nông nghiệp

STT	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu
1	Có vùng sản xuất hàng hóa tập trung đối với sản phẩm chủ lực của xã, đảm bảo chất lượng an toàn thực phẩm, kinh doanh hiệu quả, thích ứng với biến đổi khí hậu và được cấp mã số vùng.	Đạt
2	Có sản phẩm sơ chế, chế biến từ nông lâm thủy sản được chứng nhận OCOP đạt chuẩn từ 3 sao trở lên hoặc tương đương.	≥ 2 sản phẩm
3	Các sản phẩm chủ lực có hợp đồng liên kết tiêu thụ theo chuỗi giá trị và được bán qua kênh thương mại điện tử.	100%
4	Thực hiện tốt công tác quản lý bảo vệ rừng tại gốc, không có điểm nóng về vi phạm pháp luật về lâm nghiệp như lấn chiếm, phá rừng, chuyển mục đích sử dụng rừng tại địa phương, khai thác động thực vật..., duy trì bền vững tỷ lệ che phủ rừng tại địa phương; trên địa bàn xã có tối thiểu 02 mô hình sản xuất lâm nghiệp (trồng cây bản địa gỗ lớn, cây đa tác dụng, xen cây dược liệu, cây ăn quả) của các hộ gia đình, cá nhân, tổ chức có hiệu quả về kinh tế, môi trường; có quy ước hoặc hương ước bảo vệ rừng của thôn, bản. (Áp dụng đối với xã có diện tích rừng và đất lâm nghiệp).	Đạt

2. Về Thương mại, dịch vụ, tiểu thủ công nghiệp, làng nghề, ngành nghề

STT	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu
1	Có tỷ trọng lớn về doanh thu, thu nhập gắn với hoạt động sinh kế của đa số người dân trong xã hoặc có hiệu quả kinh tế cao và có tiềm năng mở rộng.	Đạt

II. Lĩnh vực “Giáo dục”

STT	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu
1	Tỷ lệ huy động trẻ đi học mẫu giáo.	$\geq 95\%$
2	Tỷ lệ trẻ em 6 tuổi vào học lớp 1.	100%
3	Tỷ lệ trẻ em 11 tuổi hoàn thành chương trình giáo dục tiểu học đạt từ 95% trở lên, số trẻ em 11 tuổi còn lại đều đang học các lớp tiểu học.	Đạt
4	Tỷ lệ thanh thiếu niên trong độ tuổi từ 15-18 đang học chương trình giáo dục phổ thông hoặc giáo dục thường xuyên cấp trung học phổ thông hoặc giáo dục nghề nghiệp.	$\geq 95\%$

III. Lĩnh vực “Văn hoá”

STT	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu
1	Trung tâm Văn hoá - Thể thao xã và 100% số thôn, xóm, bản có Nhà văn hoá, sân thể thao đạt chuẩn theo quy định. Các công trình văn hoá, thể thao xã, thôn phải đảm bảo yêu cầu xanh, sạch, đẹp.	Đạt
2	2.1. Nhà văn hoá, sân thể thao xã và 100% Nhà văn hoá - Khu thể thao thôn (xóm, bản) đảm bảo yêu cầu về nội dung, phương thức hoạt động theo quy định.	Đạt
	2.2. Nhà văn hoá xã, thôn (xóm, bản) có tủ sách, phòng đọc, duy trì thường xuyên việc trao đổi, luân chuyển sách, báo phục vụ nhân dân.	Đạt
	2.3. Xã có Câu lạc bộ văn hoá, nghệ thuật, thể thao tiêu biểu; mỗi thôn (xóm, bản) có ít nhất 01 tổ/đội/nhóm văn hoá, văn nghệ hoặc 01 câu lạc bộ thể dục, thể thao hoạt động thường xuyên.	Đạt
3	3.1. Các giá trị văn hoá truyền thống của dân tộc, địa phương được kế thừa, phát huy trong đời sống nhân dân. Các di sản văn hoá vật thể, phi vật thể trên địa bàn (nếu có) được bảo tồn, phát huy.	Đạt
	3.2. Không có vi phạm quy định của pháp luật về di sản văn hoá và những quy định của pháp luật có liên quan.	

STT	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu
4	4.1. Tỷ lệ “Gia đình văn hoá” của xã	≥ 89%
	4.2. Tỷ lệ “Khu dân cư văn hoá” của xã	100%
	4.3. Tỷ lệ thôn (xóm, bản) có và thực hiện hương ước, quy ước	100%
	4.4. Thực hiện nếp sống văn minh trong việc cưới, việc tang và lễ hội đảm bảo theo quy định.	Đạt

IV. Lĩnh vực “Du lịch”

STT	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu
1	Có tài nguyên du lịch được khai thác phục vụ khách du lịch và có sự tham gia của cộng đồng địa phương và hoạt động du lịch	Đạt

V. Lĩnh vực “Cảnh quan môi trường”

STT	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu
1	Có trên 70% số tuyến đường xã, thôn có rãnh thoát nước, có nắp đậy và được trồng đồng bộ cây bóng mát, hoa, cây cảnh hoặc trang trí khác để tạo cảnh quan môi trường; định kỳ hàng tuần tổ chức tổng vệ sinh môi trường đường làng, ngõ, xóm, khu dân cư.	Đạt
2	Có mô hình bảo vệ môi trường tham gia thực hiện thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn; vệ sinh đường làng ngõ xóm và các khu vực công cộng; trồng và chăm sóc cây bóng mát, hoa, cây cảnh; câu lạc bộ, đội tuyên truyền bảo vệ môi trường hoạt động thường xuyên, hiệu quả, thu hút sự tham gia của cộng đồng.	Đạt
3	Cải tạo, xây dựng các ao, hồ sinh thái trong khu dân cư; đối với các ao, hồ có sẵn ở địa phương, cần thường xuyên nạo vét bùn, tiêu diệt các loài côn trùng gây các bệnh truyền nhiễm, thay nước (nếu đã bị ô nhiễm).	Đạt

STT	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu
4	Tỷ lệ hộ gia đình trong xã thực hiện phân loại chất thải rắn sinh hoạt tại nguồn.	$\geq 60\%$
5	90% phế phụ phẩm nông nghiệp và chất thải phải được tận thu, tái sử dụng, xử lý triệt để bằng các biện pháp phù hợp đảm bảo vệ sinh môi trường.	Đạt
6	Các khu dân cư tập trung có mạng lưới cấp thoát nước theo quy định.	Đạt

VI. Lĩnh vực “An ninh trật tự”

STT	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu
1	Trong 03 năm liên tiếp, liên kê tính đến thời điểm đánh giá, đề nghị công nhận xã nông thôn mới kiểu mẫu về “An ninh trật tự”: Trên địa bàn xã không có khiếu kiện đông người trái pháp luật; tệ nạn xã hội được kiểm chế giảm; không có công dân cư trú trên địa bàn xã phạm tội nghiêm trọng trở lên. Tội phạm, tệ nạn xã hội giảm theo từng năm.	Đạt
2	Trong 3 năm liên kê thời điểm xét xã được công nhận đạt tiêu chuẩn an toàn về an ninh, trật tự quy định tại Thông tư số 124/2021/TT-BCA ngày 28/12/2021 của Bộ Công an quy định về khu dân cư xã, phường, thị trấn, cơ quan, doanh nghiệp, nhà trường đạt tiêu chuẩn “An toàn về an ninh, trật tự”	Đạt
3	Năm liên kê thời điểm xét xã được đánh giá, phân loại phong trào hàng năm đạt “Xuất sắc” theo Quyết định số 510/QĐ-BCA-V05, ngày 20/01/2022 của Bộ Công an về việc ban hành quy định tiêu chí đánh giá, phân loại phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc.	Đạt
4	Lực lượng Công an xã được xây dựng, củng cố trong sạch, vững mạnh; trong 03 năm liên kê tính đến thời điểm đánh giá, đề nghị công nhận xã nông thôn mới kiểu mẫu đạt danh hiệu “Tiên tiến” trở lên.	Đạt

VII. Lĩnh vực “Chuyển đổi số”

STT	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu
1	Chính quyền số	Đạt
1.1	100% cán bộ, công chức sử dụng thành thạo các nền tảng số, ứng dụng dùng chung của tỉnh.	Đạt
1.2	100% cán bộ, công chức được trang bị máy tính, thiết bị phụ trợ cần thiết đảm bảo cấu hình, tốc độ đáp ứng được hoạt động trong công việc; được cài đặt, sử dụng phần mềm bản quyền diệt virus để đảm bảo an toàn thông tin.	Đạt
1.3	100% tổ chức, cá nhân (cơ quan Đảng, chính quyền, MTTQ & các đoàn thể chính trị - xã hội của xã) được cấp và sử dụng thường xuyên Chứng thư số chuyên dùng của Ban cơ yếu Chính phủ và tài khoản hộp thư điện tử công vụ của tỉnh.	Đạt
1.4	100% hồ sơ tiếp nhận giải quyết thủ tục hành chính được cập nhật đầy đủ thông tin; số hoá/ký số đầy đủ thành phần hồ sơ, bản kết quả giải quyết thủ tục hành chính trên hệ thống Một cửa điện tử của xã.	Đạt
1.5	100% hồ sơ giải quyết thủ tục hành chính/thủ tục hành chính liên thông được luân chuyển đúng quy trình điện tử đã được cấu hình trên hệ thống Một cửa điện tử của xã, của huyện, của tỉnh.	Đạt
1.6	Tỷ lệ hồ sơ giải quyết thủ tục hành chính tiếp nhận trực tuyến đạt ít nhất 50%.	Đạt
1.7	100% văn bản đến được xử lý đúng quy trình trên hệ thống Quản lý văn bản và Điều hành; 100% văn bản đi được thực hiện dưới dạng điện tử, được ký số theo quy định và xử lý, luân chuyển hoàn toàn trên môi trường mạng (trừ văn bản mật theo quy định)	Đạt
1.8	100% biểu mẫu, chế độ báo cáo được thực hiện trên hệ thống thông tin báo cáo của tỉnh (trừ các báo cáo thuộc phạm vi bí mật của nhà nước).	Đạt
1.9	Có ít nhất 60% hồ sơ công việc được quản lý, xử lý và luân chuyển hoàn toàn trên môi trường mạng (trừ hồ sơ công việc thuộc phạm vi bí mật nhà nước).	Đạt

2	Kinh tế số	
2.1	Tỷ lệ các sản phẩm, dịch vụ chủ lực đặc trưng; sản phẩm OCOP của địa phương được quảng bá trên sàn thương mại điện tử, mạng xã hội, trang thông tin điện tử đạt từ 80% trở lên.	Đạt
2.2	Tỷ lệ các doanh nghiệp vừa và nhỏ, siêu nhỏ, các hộ kinh doanh cá thể, hợp tác xã, hộ nông nghiệp được đăng ký tài khoản trên sàn thương mại điện tử đạt từ 40% trở lên.	Đạt
2.3	Tỷ lệ người dân trưởng thành có tài khoản thanh toán điện tử đạt từ 65% trở lên	Đạt
3	Xã hội số	
3.1	Có tối thiểu 02 kênh giao tiếp giữa chính quyền với người dân thông qua tin nhắn SMS, hoặc các nhóm zalo chat, trang thông tin điện tử của xã hoặc thông qua các ứng dụng, nền tảng mạng xã hội của Việt Nam (gapo, mocha...) phục vụ cung cấp thông tin tình hình kinh tế xã hội, chỉ đạo, phản ánh, kiến nghị.	Đạt
3.2	100% các hộ gia đình, cơ quan, tổ chức trên đại bàn xã được gắn mã địa chỉ trên nền tảng bản đồ số.	Đạt
3.3	100% trường học, cơ sở giáo dục, cơ sở y tế trên địa bàn xã sử dụng nền tảng số để chuyển đổi số.	Đạt
3.4	100% trường học, cơ sở giáo dục, cơ sở y tế trên địa bàn xã lắp đặt, sử dụng các phương thức thanh toán không dùng tiền mặt để thanh toán học phí, viện phí và các giao dịch khác.	Đạt
3.5	Có ít nhất một mô hình ứng dụng CNTT, chuyển đổi số trong các lĩnh vực như: An ninh trật tự, an toàn giao thông, sản xuất - kinh doanh, y tế, giáo dục, nông nghiệp, du lịch, năng lượng, chiếu sáng, môi trường, phát triển kinh tế - xã hội, phát triển thương hiệu, thị trường, truy xuất nguồn gốc sản phẩm, truyền thanh thôn,...	Đạt
3.6	Tỷ lệ dân số trưởng thành có điện thoại thông minh đạt từ 85% trở lên.	Đạt